TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1076/2024/HC-PT
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 581/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2501/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1/. Bà Trần Thị Hồng A (có mặt)

2/. Ông Thái Văn B (có mặt)

Đăng ký thường trú: Khu vực 1, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- *Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

2/. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng X - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài H - Chức vụ: Phó Chủ tịch. (có mặt)

Địa chỉ: Số I đường C, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; (có mặt)

- Ông Huỳnh Hoài Â - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N; (có mặt)

- Ông Nguyễn Thanh P - Chức vụ: Đội trưởng Đội quản lý trật tự đô thị thành phố N; (có mặt)

- Ông Ngô Văn Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lưu Văn T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang –

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị Hồng A *và ông* Thái Văn B *trình bày:*

Vào ngày 07/5/2020, vợ chồng ông Thái Văn B và bà Trần Thị Hồng A nhận chuyển nhượng của ông Lưu Văn T1 diện tích đất 72,15m^2 (ngang 5m x dài 14,43m). Việc chuyển nhượng bằng giấy tay chưa được công chứng, chứng thực.

Tháng 08/2020, ông B và bà A đã xây dựng căn nhà cấp 04 kiên cố. Khi xây dựng gần hoàn thiện căn nhà thì bị chính quyền địa phương đến lập biên bản về hành vi vi phạm xây cất nhà không xin giấy phép xây dựng.

Đến ngày 01/8/2023, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định thu hồi phần đất của ông, bà để thực hiện dự án khu đô thị M, phường N, thành phố N. Cùng ngày Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng chỉ phê duyệt 0 đồng cho ông, bà là không đúng với Luật đất đai.

Sau đó, ông, bà có làm đơn yêu cầu giải quyết gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố N về việc không được bồi thường tài sản nêu trên.

Tại Công văn số 1082/UBND-TCD ngày 27/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N trả lời cho ông, bà là không có căn cứ để xem xét.

Do phần đất nhận chuyển nhượng giấy tay của ông Lưu Văn T1, trên giấy tờ vẫn do ông T1 đứng tên. Vì vậy, ông B, bà A không yêu cầu bồi thường phần đất. Ông, bà sẽ tự thỏa thuận với ông T1, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (phần liên quan đến ông Thái Văn B) và yêu cầu hủy

Công văn số 1082/UBND-TCD ngày 27/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Thái Văn B do không bồi thường nhà và không cấp tái định cư cho ông, bà.

Tại văn bản số 1343/UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 và quá trình tố tụng, người bị kiện nêu ý kiến:

Ngày 31/5/2023, Ủy ban nhân dân phường N có Công văn số 83/UBND về việc xác minh các thông tin liên quan đến hộ dân để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N có nội dung: Nhà, vật kiến trúc của ông Thái Văn B xây dựng năm 2020 trên đất trồng lúa của ông Lưu Văn T1 và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, chưa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì hết thời hạn nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định khắc phục hậu quả đó là buộc tháo dỡ công trình vi phạm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H quy định"Nhà (bao gồm nhà ở) và công trình xây dựng sau khi có Thông báo thu hồi đất hoặc khi xây dựng có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp thẩm quyền theo quy định thì không bồi thường, không hỗ trợ".

Từ căn cứ trên, ông B, bà A không được bồi thường hỗ trợ giá trị nhà và công trình kiến trúc cũng như không được xem xét cấp nền tái định cư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn T1*:* Tại văn bản cung cấp cho Tòa án thể hiện ý kiến cho rằng không tranh chấp với phần đất đã bán cho ông B và có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh H ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số: 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn B, bà Trần Thị Hồng A về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (phần liên quan đến ông Thái Văn B) và bác yêu cầu của ông Thái Văn B, bà Trần Thị Hồng A về yêu cầu hủy Công văn số 1082/UBND-TCD ngày 27/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Thái Văn B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/4/2024, người khởi kiện bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì khi xây dựng nhà thì Ủy ban không ngăn cấm, khi Nhà nước thu hồi chỉ bồi thường đất mà không bồi thường nhà nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn T1 có văn bản trình bày ý kiến xác nhận ông đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B diện tích đất 72,15m^2, các bên đã nhận tiền và bàn giao đất xong nên việc bồi thường là bồi thường toàn bộ cho bà Hồng A và ông B. Đề nghị Tòa án xem xét cho bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B được hỗ trợ tiền di dời hoặc bố trí nơi ở mới theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông Thái Văn B, bà Trần Thị Hồng A nhận chuyển nhượng đất không có giấy tờ, xây nhà trên đất nông nghiệp, đã bị lập biên bản vi phạm hành chính. Căn cứ theo quy định pháp luật thì Ủy ban nhân dân thành phố N không bồi thường tài sản khi thu hồi đất cho ông B, bà Á là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Thái Văn B, bà Trần Thị Hồng A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Ngày 07/5/2020, vợ chồng ông Thái Văn B và bà Trần Thị Hồng A nhận chuyển nhượng của ông Lưu Văn T1 diện tích đất 72,15m^2 (ngang 5m x dài 14,43m), loại đất nông nghiệp. Việc chuyển nhượng bằng giấy tay chưa được công chứng, chứng thực; diện tích chuyển nhượng không đủ điều kiện tách thửa. Vì vậy, phần đất trên vẫn đứng tên quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn T1. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất, ông B, bà Hồng A cất nhà trên đất. Ngày 25/6/2020, công chức địa chính - xây dựng đô thị - môi trường của Ủy ban nhân dân phường N tiến hành nhiệm vụ và phát hiện ông B đang xây dựng trên phần đất do ông Lưu Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc xây dựng không xin giấy phép của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 89 Luật xây dựng. Căn cứ tại điểm b khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân phường N đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính với sự chứng kiến của T2 khu vực V. Do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên ngày 08/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 2084 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông Thái Văn B tháo dỡ công trình vi phạm. Sau khi ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, ông B và bà A không khiếu nại hay khởi kiện đối với quyết định trên.

Do căn nhà của ông B, bà A được xây dựng trái quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H thì nhà và tài sản trên đất của ông B, bà A không được bồi thường. Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1368/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường nhà cho ông B 0 đồng là có căn cứ.

Đối với Công văn số 1082/UBND-TCD ngày 27/9/2023 về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Thái Văn B của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N mặc dù được ban hành không đúng hình thức theo quy định tại Điều 31 của Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ nhưng nội dung Công văn trả lời là có căn cứ theo như Hội đồng xét xử nhận định trên. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà A về việc hủy Công văn số 1082/UBND-TCD.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B phải chịu do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hồng A, ông Thái Văn B.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh H ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số: 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn B, bà Trần Thị Hồng A về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (phần liên quan đến ông Thái Văn B) và bác yêu cầu của ông Thái Văn B, bà Trần Thị Hồng A về yêu cầu hủy Công văn số 1082/UBND-TCD ngày 27/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Thái Văn B.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Thái Văn B và bà Trần Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000051 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Ông B, bà A đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Ông Thái Văn B và bà Trần Thị Hồng A được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000050 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

3/. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Thái Văn B và bà Trần Thị Hồng A, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo biên lai thu số 0000172 và 0000173 cùng ngày 12/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Ông B, bà A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự (5);
- Lưu: HSVA (2), VT(3) 15B LTTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy